

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 -BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND Khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: ông Ong Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc giải quyết vụ án tranh chấp “Ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mai L, sinh năm 1993 (có mặt)

Số CCCD: 024193002722, cấp ngày 29/4/2021

Địa chỉ: Thôn S, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Mạnh Hải A, sinh năm 1993 (có mặt)

Số CCCD: 024093006185, cấp ngày 17/12/2021

Địa chỉ: Số E, đường A, Thôn B (nay là thôn Q), xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Hà Thị Mai L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Mạnh H An ngày 04/8/2015, có đăng ký tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn hai bên về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống không có hạnh phúc, hay cãi nhau. **Từ cuối năm 2025 cho đến nay, chị L về nhà mẹ đẻ không chung sống với anh A nữa .**

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Hải A1.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018. Ngoài hai con chung trên thì vợ chồng không còn con chung nào khác.

Hiện nay hai cháu vẫn sinh sống với anh Mạnh Hải A từ **khi chị về nhà mẹ đẻ cho đến nay**. Khi ly hôn thì chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018 và đồng ý giao con chung là cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 cho anh Mạnh Hải A chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị làm nghề tự do, bán hàng online, thời gian làm tự do, thu nhập từ 10 triệu đến 30 triệu đồng.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị và anh Mạnh Hải A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Về ly hôn chị xin được ly hôn anh Mạnh Hải A, con chung chị xin được nuôi cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018, vấn đề cấp dưỡng tự thỏa thuận, tài sản và công nợ chị xác định không có.

* Bị đơn anh Mạnh Hải A trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hà Thị Mai L ngày 04/8/2015, có đăng ký tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn hai bên về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống, thời gian gần đây chị L bỏ nhà đi, gia đình và anh đã khuyên bảo nhưng chị L vẫn bỏ đi, để lại hai con cho anh nuôi dưỡng từ tháng 12 năm 2025 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Hà Thị Mai L xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Hà Thị Mai L.

-Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018. Ngoài hai con chung trên thì vợ chồng không còn con chung nào khác.

Hiện nay cả hai con đang ở với anh. Khi ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Mạnh Gia H1 và cháu Mạnh Gia B. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang công tác tại bệnh viện H2, tỉnh Bắc Ninh, ngoài ra anh còn làm thêm phòng khám tại nhà, thu nhập khoảng 25 triệu đồng/tháng. Anh xác định đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để chăm sóc các con.

-Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh A có mặt và giữ nguyên ý kiến của mình. Về ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ anh xác định không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 246; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. khoản 3 Điều 11 Nghị quyết Số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán

Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhân sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A.

2. Về con chung: Giao cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018 cho Mạnh Hải A tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; **chị L được quyền thăm non con chung.**

3. Về công nợ, tài sản chung: **Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh H An đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.**

4. Về án phí:

Chị Hà Thị Mai L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị L xin chịu cả nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003590 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 23 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mai L xin ly hôn anh Mạnh Hải A có nơi cư trú tại thôn S (nay là thôn Q), xã H, tỉnh Bắc Ninh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) ngày 04/8/2015, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A sau khi kết hôn, về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2025 cho đến nay. Chị L và anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh A đã trầm trọng, đời sống chung của chị L và anh A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị L và anh A là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A xác định có 02 con chung là cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018. Hiện cả hai con chung đang ở cùng anh A từ tháng 12/2025 **sau khi chị L1 bỏ về nhà mẹ đẻ cho đến nay.** Khi ly hôn, chị L xin được nuôi cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018, còn anh A xin được nuôi cả hai con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh A đã cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập của bản thân thể hiện có thu nhập ổn định, có nhà ở. Quá trình xác minh, xác định hai cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018 đang học tập ổn định tại Trường tiểu học xã H, sinh sống ổn định, sức khỏe các con

chung vẫn phát triển tốt. Mặt khác, các con chung đều có nguyện vọng được ở với bố là anh A. Nơi sinh sống của chị L và hai con chung gần nhau.

Xét thấy để đảm bảo sự ổn định về điều kiện phát triển thể chất, tinh thần, tâm lý, thời gian học tập không chia tách các con chung mà chị L ở gần vẫn đảm bảo được việc chăm sóc con chung; cũng đúng theo nguyện vọng của các cháu cần giao cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018 cho anh Mạnh H A tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A đều xác định không có, và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A đều thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa, nhưng không thỏa thuận được con chung. Do vậy, theo quy định tại khoản 3 -Điều 11 -Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, thì các bên phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm), nhưng chị L xin chịu cả 150.000 đồng, nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003590 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Hà Thị Mai L đã nộp đủ. Hoàn trả chị L số tiền 150.000 đồng theo biên lai số 0003590 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 55; Điều 57; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; **Điều 246**; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết Số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A.

2. Về con chung: Giao cháu Mạnh Gia B, sinh ngày 17/4/2016 và cháu Mạnh Gia H1, sinh ngày 30/10/2018, cho anh Mạnh H A tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Hà Thị Mai L và anh Mạnh Hải A xác định không có và đều không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Hà Thị Mai L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003590 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Hà Thị Mai L đã nộp đủ. Hoàn trả chị L số tiền 150.000 đồng theo biên lai số 0003590 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- UBND xã Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sự

